

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 9 năm 2024

V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Ông Nguyễn Hải Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Quang Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/9/2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn số 38/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn Hồng S, xã Lãng S, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Lưu Xuân C, sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn Hồng S, xã Lãng S, huyện Yên D, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:* Chị và anh Lưu Xuân C về Cng sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, khi về Cng sống với nhau anh chị đều được sự nhất trí của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên từ khi về Cng sống

với nhau đến nay, do mãi mê làm ăn và chăm lo con cái nên anh chị không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào để đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi tổ chức lễ cưới xong chị về Cng sống cùng anh C và gia đình anh C ngay. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng Cng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau, sau đó vài năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh C ham mê rượu chè, thường xuyên say xỉn, không tu chí làm ăn, thậm chí đã nhiều lần đánh đập chị, chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không nghe. Năm 2010 chị đi lao động tại Đảo Síp, anh C ở nhà vẫn tiếp tục say mê rượu chè, không tu chí làm ăn. Thời gian này chị vẫn thỉnh thoảng gọi điện về khuyên bảo nhưng anh C vẫn không thay đổi. Đến năm 2023 mâu thuẫn giữa chị và anh C trở lên trầm trọng hơn. Tết âm lịch 2023 chị về Việt Nam sinh sống, chị không về sống cùng anh C nữa mà chị về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Thanh Long, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng sinh sống. Hai bên chính thức sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay, chị xác định chị không còn tình cảm với anh C, không có khả năng đoàn tụ. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lưu Xuân C là vợ chồng.

Về con Chung: Trong quá trình Chung sống chị và anh Lưu Xuân C có 02 con Cng là cháu Lưu Xuân V, sinh ngày 17/8/1991 và cháu Lưu Thị V, sinh ngày 23/10/1993. Các con đều đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ Chung về tài sản: Chị và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Lưu Xuân C trình bày:* Anh và chị Dương Thị N Cng sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình nhất trí và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng do không hiểu biết nên anh chị không đến UBND xã Lãng Sơn và UBND xã có thẩm quyền khác để đăng ký kết hôn theo quy định. Đến nay, anh chị vẫn không đăng ký kết hôn ở cơ quan nào cả. Sau khi cưới hỏi xong, chị N về sinh sống cùng anh và gia đình anh ngay. Quá trình Chung sống ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2022, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không còn tình cảm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Vì vậy, anh chị đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay, chị N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh là vợ chồng, anh

nhất trí với ý kiến chị N, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị N là vợ chồng.

Về con Chung: Trong quá trình Cng sống anh chị có 02 con Cng là cháu Lưu Xuân Vi, sinh ngày 17/08/1991 và cháu Lưu Thị Vân sinh ngày 23/10/1993. Các con đều đã trưởng thành, anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ Chung về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị N có mặt, bị đơn là anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua biên bản lấy lời khai của anh C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chấp hành chưa tốt.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Xứ:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị N và anh Lưu Xuân C là vợ chồng.

Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

- Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Dương Thị N có mặt, bị đơn là anh Lưu Xuân C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Dương Thị N là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Lưu Xuân C, anh C có nơi cư trú tại thôn Hồng Sơn, xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Lưu Xuân C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay trên cơ sở tự nguyện, khi về Cng sống chị N anh C được sự nhất trí của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên, giữa chị N anh C từ khi kết hôn đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn ở cơ quan có thẩm quyền nào.

Quá trình Chung sống của chị N anh C: Hai bên đều xác định ban đầu Chung vợ chồng sống hạnh phúc. Chị N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng diễn ra khoảng vài năm sau khi cưới, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh C ham mê rượu chè, thường xuyên say xỉn, không tu chí làm ăn, thậm chí đã nhiều lần đánh đập chị. Năm 2010 chị đi lao động tại Đảo Síp, ở nhà anh C vẫn không thay đổi. Đến năm 2023 mâu thuẫn giữa chị và anh C trở lên trầm trọng hơn. Tết âm lịch 2023 chị về Việt Nam sinh sống nhưng không về sống Cng với anh C nữa mà chị về ở nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Thanh Long, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng sinh sống. Phía anh C cũng xác nhận giữa anh và chị N xảy ra mâu thuẫn vào năm 2022, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không còn tình cảm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh C cũng xác nhận vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay, chị N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị N và anh là vợ chồng, anh C cũng nhất trí với ý kiến chị N, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị N là vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy:

Ủy ban nhân dân xã Lãng Sơn cho biết: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã thì không có trường hợp nào là chị Dương Thị N và anh Lưu Xuân C đăng ký kết hôn.

Ông Vũ Trí C - trưởng thôn Hồng Sơn, xã Lãng Sơn cho biết: Chị Dương Thị N và Anh Lưu Xuân C là công dân của địa phương. Khoảng năm 1990, Chị N và anh C được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và Cng sống với nhau. Sau khi cưới, chị N về làm dâu ở cùng gia đình anh C ngay. Đến khoảng năm 2022 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là chị N, anh C thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, hai bên đã sống ly thân từ lâu. Nay chị N đề nghị Tòa án đề nghị Tòa án không công nhận chị N và anh C là vợ chồng thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Từ những phân tích trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống Cng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N và anh C Cng sống với nhau không đăng ký kết hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị N và anh C là vợ chồng.

[3.2]. Về con Chung: Quá trình Chung sống chị N và anh C có 02 con Cng là cháu Lưu Xuân V, sinh ngày 17/08/1991 và cháu Lưu Thị V sinh ngày 23/10/1993. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành. Chị N và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết về nuôi con Cng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về tài sản Chung, nghĩa vụ Cng về tài sản: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị N và anh Lưu Xuân C là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005317 ngày 04/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên D;
- UBND xã Lãng S, huyện Yên D;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Lý Đinh Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Lãng Sơn, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hải Lý Đinh Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Đức Giang, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh